

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 51

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Phạm Đình Ngu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt	Ủy viên
3. Bà Văn Thị Lan Anh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
3. Bà Trần Thị Thoán	Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Lê Trung

Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 020102/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 01 tháng 02 năm 2018, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế**

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.142.716.548.893	1.361.646.469.010
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	509.577.636.533	406.676.809.154
1. Tiền	111		120.809.634.969	121.149.572.757
2. Các khoản tương đương tiền	112		388.768.001.564	285.527.236.397
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	50.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		961.381.022.420	455.567.565.640
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	417.516.053.153	221.225.458.631
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	325.870.456.358	184.015.378.614
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	129.729.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	88.265.512.909	51.025.438.748
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(698.710.353)
IV. Hàng tồn kho	140		536.681.725.193	450.591.281.857
1. Hàng tồn kho	141	5.7	536.681.725.193	450.591.281.857
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		85.076.164.747	48.810.812.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	18.897.599.281	21.275.206.737
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65.917.582.112	27.535.605.622
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	260.983.354	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.433.440.579.906	1.715.969.509.727
I. Tài sản cố định	220		2.299.486.571.152	1.434.278.060.008
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.202.974.097.676	1.338.477.950.662
- Nguyên giá	222		2.707.435.817.410	1.703.369.654.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(504.461.719.734)	(364.891.703.937)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	96.512.473.476	95.800.109.346
- Nguyên giá	228		103.445.820.433	100.838.674.433
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.933.346.957)	(5.038.565.087)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		98.121.103.897	214.999.542.284
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	98.121.103.897	214.999.542.284
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	44.338.667.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	44.338.667.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		35.832.904.857	22.353.240.435
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	35.612.756.095	22.332.919.192
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		220.148.762	20.321.243
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.576.157.128.799	3.077.615.978.737

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.951.186.840.177	2.122.863.876.413
I. Nợ ngắn hạn	310		1.990.803.708.402	1.140.284.738.375
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	519.298.194.029	304.263.540.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	17.127.077.695	11.280.630.943
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	14.232.960.650	6.947.288.639
4. Phải trả người lao động	314		13.308.406.810	9.184.831.648
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.422.195.946	2.080.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2.702.175.863	5.705.003.625
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	1.417.686.392.234	800.794.847.498
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.305.175	28.595.879
II. Nợ dài hạn	330		960.383.131.775	982.579.138.038
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	959.926.578.352	982.579.138.038
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		456.553.423	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.624.970.288.622	954.752.102.324
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	1.624.970.288.622	954.752.102.324
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		835.999.880.000	569.649.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		835.999.880.000	569.649.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		198.063.767.329	160.721.267.329
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		158.818.819	205.250.085
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.683.661.717	38.274.886.929
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13.177.404.323	13.177.404.323
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		283.769.575.300	161.862.080.186
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		90.051.907.554	71.776.592.221
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		193.717.667.746	90.085.487.965
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		248.117.181.134	10.861.333.472
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.576.157.128.799	3.077.615.978.737


Hồ Thị Hòa
Người lập


Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.076.763.652.003	2.145.496.749.447
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.155.348.862	1.726.940.597
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	4.069.608.303.141	2.143.769.808.850
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.519.223.197.973	1.836.734.397.150
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		550.385.105.168	307.035.411.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	55.775.260.107	30.198.848.862
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	95.052.847.758	53.927.481.929
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		80.592.049.351	27.284.472.139
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	1.751.339.799
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	105.724.321.494	56.882.135.462
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	79.322.555.685	62.622.750.100
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		326.060.640.338	165.553.232.870
12. Thu nhập khác	31		2.388.598.927	8.081.453.308
13. Chi phí khác	32		394.931.990	7.037.904.139
14. Lợi nhuận khác	40		1.993.666.937	1.043.549.169
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		328.054.307.275	166.596.782.039
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	64.433.475.421	23.692.445.025
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		256.725.898	(20.680.603)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		263.364.105.956	142.925.017.617
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		223.342.661.746	141.985.475.965
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		40.021.444.210	939.541.652
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	3.426	2.611
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	3.426	1.757



Hồ Thị Hòe
Người lập



Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	328.054.307.275	166.596.782.039
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	168.028.491.091	92.958.744.347
Các khoản dự phòng	03	-	536.604.972
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.615.280.443	10.808.822.854
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(36.302.695.230)	(11.793.166.593)
Chi phí lãi vay	06	80.592.049.351	27.284.472.139
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	542.987.432.930	286.392.259.758
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(571.052.443.106)	(193.606.733.582)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(86.090.443.336)	(236.404.726.287)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	35.067.814.485	211.621.840.946
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(10.902.229.447)	(15.992.562.452)
Tiền lãi vay đã trả	14	(76.736.436.738)	(27.284.472.139)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(57.458.213.418)	(22.514.289.760)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	156.340.055.694	82.589.244.341
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(12.819.141.106)	(4.631.006.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(80.663.604.042)	80.169.554.226
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(695.959.760.341)	(1.077.441.959.310)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	486.363.637	53.621.100.893
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(349.729.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	183.570.000.000	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	150.547.322.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.513.190.829	12.131.982.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(698.571.883.875)	(1.011.688.875.431)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	406.752.500.000	84.247.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.109.992.694.442	2.598.523.339.565
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.534.755.293.294)	(1.728.371.348.611)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(99.782.597.750)	(86.362.442.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	882.207.303.398	868.037.048.854
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	102.971.815.481	(63.482.272.351)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	406.676.809.154	470.061.718.120
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(70.988.102)	97.363.385
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	509.577.636.533	406.676.809.154



Hồ Thị Hòe
Người lập



Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25 ngày 08 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 835.999.880.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.834 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.690 người).

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, Công ty con đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 35,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết là 60%.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC. Trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

2. Công ty TNHH Nhựa Thakhek (“Công ty con”) là Công ty TNHH được thành lập theo Thỏa thuận phát triển dự án số 007/TSZ ngày 05 tháng 03 năm 2013 giữa Ban quản lý đặc khu kinh tế riêng biệt Thakhek, tỉnh Khammouane. Tỷ lệ sở hữu tương đương với tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%.

Công ty con có tên giao dịch là THAKHEK PLASTIC CO.,LTD. Trụ sở của Công ty con tại Làng Vern, huyện Thakhek, tỉnh Khammouane, CHDCND Lào.

3. Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 0801225485 ngày 27 tháng 10 năm 2017. Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 18 tháng 12 năm 2017. Tỷ lệ sở hữu tương đương tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ là 65%.

Trụ sở của Công ty con tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nhựa và bao bì nhựa các loại.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	05 - 25
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất nhà đào tạo	20
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	45
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	21
Quyền sử dụng đất Nhà máy 5	37,5
Quyền sử dụng đất Nhà máy 6	47
Quyền sử dụng đất Nhà máy 7	18
Phần mềm máy vi tính	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1, Nhà máy số 2, Nhà máy số 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 20%. Nhà máy số 5 được miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	16.595.610.612	712.340.467
Tiền gửi ngân hàng	104.212.469.557	120.437.232.290
Tiền đang chuyển	1.554.800	-
Các khoản tương đương tiền (*)	388.768.001.564	285.527.236.397
Cộng	509.577.636.533	406.676.809.154

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

- Các khoản tiền gửi của Công ty mẹ có tổng giá trị là 294.796.052.195 đồng với kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,5%/năm đến 5,4%/năm.
- Các khoản tiền gửi của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái có tổng giá trị là 93.971.949.369 đồng với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm.

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- {a} Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 744/HĐTP/VPBS/ATK-Q/HO ngày 8 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đặt mua 300.000 trái phiếu của Công ty TNHH ATAKA với mệnh giá là 100.000 đồng, tổng số tiền là 30 tỷ đồng chẵn.
- {b} Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 743/HĐTP/VPBS/ATK-Q/HO ngày 8 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đặt mua 200.000 trái phiếu của Công ty TNHH MTV ATAKA với mệnh giá là 100.000 đồng, tổng số tiền là 20 tỷ đồng chẵn.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng trong nước	126.848.173.703	28.384.323.045
Phải thu khách hàng nước ngoài	290.667.879.450	192.841.135.586
Cộng	417.516.053.153	221.225.458.631

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán trong nước	41.545.797.262	74.111.005.075
Trả trước cho người bán nước ngoài	284.324.659.096	109.904.373.539
Cộng	325.870.456.358	184.015.378.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn tại Công ty mẹ Ông Phạm Thanh Bình {a}	30.000.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn tại Công ty CP Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	99.729.000.000	-
Công ty Cổ phần An Phát Holdings {b}	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Dương Phạm Investment {c}	7.160.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Trung và Hòa {d}	7.160.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương {e}	6.410.000.000	-
Các cá nhân khác {f}	69.999.000.000	-
Cộng	129.729.000.000	-

- {a} Khoản cho vay cá nhân anh Phạm Thanh Bình theo hợp đồng số 012/2017 ngày 05 tháng 12 năm 2017 với số tiền bằng 30 tỷ đồng. Lãi suất cho vay bằng 6%/năm. Tiền gốc và lãi được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
- {b} Khoản cho Công ty Cổ phần An Phát Holdings vay với số tiền 9.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 06121704HD ngày 06 tháng 12 năm 2017 với lãi suất 4,5% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay không hủy ngang và tiền lãi được thanh toán một lần khi đáo hạn.
- {c} Khoản cho Công ty TNHH Dương Phạm Investment vay với số tiền 7.160.000.000 đồng theo hợp đồng số 06121701HD ngày 06 tháng 12 năm 2017 với lãi suất 4,5% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay không hủy ngang và tiền lãi được thanh toán một lần khi đáo hạn.
- {d} Khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Trung và Hòa vay với số tiền 7.160.000.000 đồng theo hợp đồng số 06121702HD ngày 06 tháng 12 năm 2017 với lãi suất 4,5% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay không hủy ngang và tiền lãi được thanh toán một lần khi đáo hạn.
- {e} Khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương vay với số tiền 6.410.000.000 đồng theo hợp đồng số 06121703HD ngày 06 tháng 12 năm 2017 với lãi suất 4,5% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay không hủy ngang và tiền lãi được thanh toán một lần khi đáo hạn.
- {f} Các khoản cho vay cá nhân theo các hợp đồng cho vay ký ngày 31 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát với các cá nhân. Thời hạn cho vay là 06 tháng với lãi suất 4,5%. Các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5.6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	41.792.566.126	8.887.218.392
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	8.397.708.165	3.789.210.700
Thuế GTGT đề nghị hoàn	10.000.000.000	37.342.010.105
Tiền bồi thường đất được hỗ trợ	18.481.993.000	-
Phải thu khác	9.593.245.618	1.006.999.551
Cộng	88.265.512.909	51.025.438.748

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	10.683.200.798	-	26.925.196.561	-
Nguyên liệu, vật liệu	345.006.616.947	-	326.621.163.150	-
Công cụ, dụng cụ	19.505.307.370	-	12.416.843.576	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.174.471.739	-	16.064.918.516	-
Thành phẩm	91.559.671.054	-	68.563.160.054	-
Hàng hoá	54.752.457.285	-	-	-
Cộng	536.681.725.193	-	450.591.281.857	-

5.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/đã bù trừ trong năm		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu								
Thuế giá trị gia tăng	202.114.928	103.761.420.101	103.963.535.029	-	-	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	58.868.426	3.581.020.327	3.639.888.753	-	-	-	-	-
Cộng	260.983.354	107.719.885.424	108.365.686.188	-	-	-	-	-
b. Các khoản phải trả								
Thuế giá trị gia tăng	-	-	867.648	-	-	867.648	-	867.648
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.869.104.440	4.869.104.440	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.101.563.481	64.668.885.197	57.458.213.418	6.890.891.702	6.890.891.702	6.890.891.702	6.890.891.702	6.890.891.702
Thuế thu nhập cá nhân	131.397.169	3.759.672.102	3.683.804.222	55.529.289	55.529.289	55.529.289	55.529.289	55.529.289
Các loại thuế khác	-	3.330.315.943	3.330.315.943	-	-	-	-	-
Cộng	14.232.960.650	76.627.977.682	69.342.305.671	6.947.288.639	6.947.288.639	6.947.288.639	6.947.288.639	6.947.288.639

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cây lâu năm,		Tổng VND
					sức vật làm việc cho sản phẩm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2017	397.773.842.240	1.160.754.959.279	102.604.163.561	6.738.206.615	15.552.983.000	19.945.499.904	1.703.369.654.599
Mua trong năm	13.607.480.014	195.435.716.442	118.744.240.737	1.059.787.127	-	1.433.959.000	330.281.183.320
Đầu tư XDCB hoàn thành	263.039.386.326	374.258.959.206	22.350.406.055	322.120.000	-	2.623.778.251	662.594.649.838
Thanh lý, nhượng bán		(29.092.527.712)					(29.092.527.712)
Tặng do mua công ty con cấp 2			40.282.857.365				40.282.857.365
Tại ngày 31/12/2017	674.420.708.580	1.701.357.107.215	283.981.667.718	8.120.113.742	15.552.983.000	24.003.237.155	2.707.435.817.410
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2017	46.238.744.439	284.588.148.647	23.832.984.027	1.435.983.439	4.715.399.395	4.080.443.990	364.891.703.937
Khấu hao trong năm	20.813.051.537	119.412.056.720	22.071.219.837	889.002.581	818.978.880	2.129.399.666	166.133.709.221
Thanh lý, nhượng bán		(28.408.846.574)					(28.408.846.574)
Tặng do mua công ty con cấp 2			1.845.153.150				1.845.153.150
Tại ngày 31/12/2017	67.051.795.976	375.591.358.793	47.749.357.014	2.324.986.020	5.534.378.275	6.209.843.656	504.461.719.734
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2017	351.535.097.801	876.166.810.632	78.771.179.534	5.302.223.176	10.837.583.605	15.865.055.914	1.338.477.950.662
Tại ngày 31/12/2017	607.368.912.604	1.325.765.748.422	236.232.310.704	5.795.127.722	10.018.604.725	17.793.393.499	2.202.974.097.676

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.202.974.097.689 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.338.477.950.662 đồng). Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 23.669.773.846 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 40.454.211.554 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	100.699.674.433	139.000.000	100.838.674.433
Mua trong năm	21.156.593.000	347.500.000	21.504.093.000
Giảm khác (*)	(18.896.947.000)	-	(18.896.947.000)
Tại ngày 31/12/2017	102.959.320.433	486.500.000	103.445.820.433
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	4.950.092.869	88.472.218	5.038.565.087
Khấu hao trong năm	1.835.425.094	59.356.776	1.894.781.870
Tại ngày 31/12/2017	6.785.517.963	147.828.994	6.933.346.957
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	95.749.581.564	50.527.782	95.800.109.346
Tại ngày 31/12/2017	96.173.802.470	338.671.006	96.512.473.476

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 73.473.172.562 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 86.854.847.778 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 32.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 32.000.000 đồng).

- (*) Tiền hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy 6 theo công văn số 4806/XN-CT của Cục thuế tỉnh Hải Dương về việc tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất diện tích đất thuê: 99.212 m²- NM6, thời gian thuê đất đến hết 15 tháng 8 năm 2064. Theo đó, tổng số tiền hỗ trợ là 18.896.947.000 đồng, được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của Công ty Cổ phần nhựa và môi trường xanh An Phát từ tháng 6 năm 2017 đến hết tháng 12 năm 2043.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tại Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	54.704.144.626	208.354.542.284
Nhà máy số 8	53.065.449.171	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	46.376.462.282	-
- Mua sắm máy móc thiết bị	6.688.986.889	-
Nhà máy số 7	-	41.809.579.319
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	40.297.183.319
- Mua sắm máy móc thiết bị	-	1.512.396.000
Nhà máy số 6 (Dự án 10ha)	-	161.966.410.420
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	78.649.756.367
- Mua sắm máy móc thiết bị	-	83.316.654.053
Nhà điều hành và các công trình phụ trợ	-	4.578.552.545
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	4.181.074.545
- Cài tạo nhà máy số 2 và 3	-	223.746.000
- Cài tạo nhà máy số 5	-	173.732.000
Nhà đào tạo	1.638.695.455	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.638.695.455	-
Tại Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái	43.416.959.271	6.645.000.000
Xây dựng nhà xưởng CACO3	-	6.645.000.000
Máy móc thiết bị	39.292.832.920	-
Xây dựng nhà xưởng	4.124.126.351	-
Cộng	98.121.103.897	214.999.542.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.12. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.961.028.541	21.275.206.737
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.936.570.740	-
Cộng	18.897.599.281	21.275.206.737
b. Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	33.733.105.758	22.332.919.192
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.879.650.337	-
Cộng	35.612.756.095	22.332.919.192

5.13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	214.677.980	478.917.344
Bảo hiểm xã hội	2.992.890	15.413.898
Bảo hiểm y tế	820.133	2.566.177
Bảo hiểm thất nghiệp	2.710.725	1.713.278
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	292.987.542	219.231.292
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.187.986.593	4.987.161.636
Cộng	2.702.175.863	5.705.003.625

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
	447.327.196.682	447.327.196.682	264.563.403.829	264.563.403.829
	71.970.997.347	71.970.997.347	39.700.136.314	39.700.136.314
Cộng	519.298.194.029	519.298.194.029	304.263.540.143	304.263.540.143

Phải trả nhà cung cấp nước ngoài

Phải trả nhà cung cấp trong nước

Cộng

5.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
	15.859.588.639	15.859.588.639	9.916.215.713	9.916.215.713
	1.267.489.056	1.267.489.056	1.364.415.230	1.364.415.230
Cộng	17.127.077.695	17.127.077.695	11.280.630.943	11.280.630.943

Người mua trả tiền trước nước ngoài

Người mua trả tiền trước trong nước

Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B 09 - DN/HN
 Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi tiết tại Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	493.974.718.525	493.974.718.525	1.078.394.174.576	835.916.182.899	251.496.726.848	251.496.726.848
- Chi nhánh Hải Dương (i)	157.618.203.194	157.618.203.194	303.390.235.013	145.772.031.819	-	-
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương (ii)	128.660.085.386	128.660.085.386	497.044.864.754	540.012.912.969	171.628.133.601	171.628.133.601
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iii)	109.362.113.663	109.362.113.663	112.438.369.126	3.076.255.463	-	-
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)- Sở Giao Dịch I (iv)	91.922.518.634	91.922.518.634	243.512.685.261	251.166.621.444	99.576.454.817	99.576.454.817
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương (v)	60.995.995.794	60.995.995.794	298.853.515.318	332.501.377.815	94.643.858.291	94.643.858.291
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (vi)	44.070.831.263	44.070.831.263	44.070.831.263	-	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong VN- Chi nhánh Hà Nội (vii)	32.877.197.176	32.877.197.176	157.520.667.416	162.324.794.855	37.681.324.615	37.681.324.615
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội (viii)	-	-	20.430.061.989	50.577.046.494	30.146.984.505	30.146.984.505
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	-	-	-
Cộng (I)	1.119.481.663.635	1.119.481.663.635	2.755.655.404.716	2.321.347.223.758	685.173.482.677	685.173.482.677

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	3.043.210.500	33.139.883.700	30.096.673.200	30.096.673.200
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	-	58.978.465.500	63.045.950.194	4.067.484.694	4.067.484.694
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Sở Giao Dịch	-	-	12.573.475.200	12.573.475.200	-	-
Chi tiết tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	123.981.461.681	123.981.461.681	391.219.187.845	348.694.933.091	81.457.206.927	81.457.206.927
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ix)	44.844.033.176	44.844.033.176	189.661.566.341	201.548.112.637	56.730.579.472	56.730.579.472
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (x)	79.137.428.505	79.137.428.505	201.557.621.504	147.146.820.454	24.726.627.455	24.726.627.455
Vay tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	174.223.266.918	174.223.266.918	229.686.087.388	55.462.820.470	-	-
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I	-	-	6.499.942.400	6.499.942.400	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (xi)	118.876.313.303	118.876.313.303	134.648.347.714	15.772.034.411	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (xii)	9.706.424.064	9.706.424.064	18.624.392.326	8.917.968.262	-	-
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	-	24.240.527.685	24.240.527.685	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Dương (xiii)	45.640.529.551	45.640.529.551	45.672.877.263	32.347.712	-	-
Cộng (II)	298.204.728.599	298.204.728.599	695.500.426.433	512.917.062.655	115.621.364.821	115.621.364.821
Tổng cộng (A) = (I + II)	1.417.686.392.234	1.417.686.392.234	3.451.155.831.149	2.834.264.286.413	800.794.847.498	800.794.847.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 04.05/CNHD9/2017/HĐCVHM/ANPHAT ngày 04 tháng 05 năm 2017 với hạn mức cho vay là 500 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018, lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

(ii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 660.364/2017/HĐTDHM-DN/PGbankHD ngày 06 tháng 06 năm 2017 với hạn mức cho vay là 7.000.000 USD hoặc quy đổi Việt Nam Đồng tương đương. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 20 tháng 02 năm 2018, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn vay theo kế ước nhận nợ nhưng không quá 06 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại nhà máy III của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát theo hợp đồng thế chấp số 142/HĐTC/PGBHD-17 ngày 06 tháng 06 năm 2017.

(iii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170071/NHNTHD ngày 10 tháng 08 năm 2017 với hạn mức cho vay là 250 tỷ đồng, thời gian của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, phù hợp với lãi suất theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là phương tiện vận tải của công ty.

(iv) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/1347719/HĐTD ngày 17 tháng 03 năm 2017 với tổng số tiền là 200 tỷ đồng bao gồm cả VNĐ và ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ký hợp đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

(v) Vay ngắn hạn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 13258.17.270.300401.TD ngày 31 tháng 07 năm 2017. Với hạn mức cho vay là 160 tỷ đồng, thời gian cấp hạn mức tín dụng đến ngày 07 tháng 07 năm 2018, lãi suất vay phụ thuộc vào từng kế ước nhận nợ, thời hạn các khoản hạn mức không được quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(vi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1347719/HĐTDHM ngày 17 tháng 04 năm 2017. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 31 tháng 03 năm 2018. Hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bên vay, bên thứ ba với ngân hàng.

(vii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HN/2017/09/BCB/HĐTD ngày 23 tháng 05 năm 2017. Với hạn mức cho vay là 2.000.000 USD, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 31 tháng 11 năm 2017, thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 04 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay bằng VND là 6,54%/năm, Lãi suất vay bằng USD là 2,54%/năm. Mục đích vay để tài trợ nhập khẩu nguyên vật liệu. Khoản vay được đảm bảo bằng Chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn trị giá 5 tỷ đồng và bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Lê Trung- Tổng Giám đốc.

(viii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số BBL-HN 07/2013 ngày 28 tháng 10 năm 2013, phụ lục bổ sung ngày 21 tháng 10 năm 2016 với hạn mức cho vay là 8.000.000 USD. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo khoản tiền gửi tại ngân hàng tương đương 10% số tiền của thư tín dụng kể từ ngày mở thư tín dụng đến ngày thanh toán khoản vay nhập khẩu dưới thư tín dụng đó.

(ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/3197534/HĐTD ngày 08 tháng 05 năm 2017, hạn mức tín dụng tối đa là 60 tỷ đồng và ngoại tệ tương đương. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 08 tháng 05 năm 2018. Lãi suất vay có điều chỉnh. Thời hạn trả lãi vay, gốc vay được quy định cụ thể trong từng hợp đồng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/3197534/HĐBD ký ngày 26 tháng 05 năm 2014, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3197534/HĐBD ký ngày 24 tháng 04 năm 2017.

(x) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 71/2017/HDCV/NHCTKCNHD5 ngày 31 tháng 03 năm 2017, tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng (hoặc ngoại tệ tương đương). Công ty vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 31 tháng 03 năm 2017 đến hết ngày 15 tháng 04 năm 2018. Thời hạn cho vay của từng khoản tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất điều chỉnh. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chế hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản khác theo hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2015/HDTC/KCNHD5 ngày 30 tháng 03 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(xi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 175/2017/HĐCV/KCNHDS ngày 04 tháng 07 năm 2017. Hạn mức cho vay là 150 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 04 tháng 07 năm 2017 đến ngày 03 tháng 07 năm 2018, thời hạn từng khoản vay không quá 4 tháng kể từ ngày ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ và điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Lãi suất cho vay bằng VND tại thời điểm ký hợp đồng là 6%/năm, và bằng USD là 2,9%/năm áp dụng cho những giấy nhận nợ phát sinh trước ngày 31 tháng 07 năm 2017. Lãi vay được trả vào ngày 20 hàng tháng, dư nợ gốc trả theo quy định của giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: thế chấp hàng tồn kho, phải thu luân chuyển của Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và thư bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.

(xii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cấp tín dụng số HDG2017 0561/HĐTD ngày 26 tháng 10 năm 2017, hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời hạn của hạn mức là 12 tháng (đến ngày 26 tháng 10 năm 2018). Thời hạn của từng khoản vay không vượt quá 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi số 05/2017/TGKH/TCB cùng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng cầm cố ngày 14 tháng 09 năm 2017 và các phụ lục kèm theo.

(xiii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cấp tín dụng số 22050.17.270.328.3571.TD ngày 03/11/2017. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng hoặc USD có giá trị tương đương. Thời hạn của hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến ngày 20/09/2018. Thời hạn của từng khoản tín dụng là 4 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quy định tại từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: trường hợp dư nợ dưới 15 tỷ đồng được bảo đảm bằng giấy tờ có giá, phương tiện vận tải, bất động sản đáp ứng điều kiện nhận tài sản của ngân hàng, trường hợp dư nợ vượt 15 tỷ đồng được bảo đảm bằng thư bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và môi trường xanh An Phát, Công ty CP Nhựa và Khoán sản An Phát - Yên Bái, và các tài sản khác theo quy định của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
5.17. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Chi tiết tại Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (I)	761.575.328.352	761.575.328.352	582.715.463.770	648.716.623.456	827.576.488.038	827.576.488.038
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	93.200.000.000	93.200.000.000	-	27.100.000.000	120.300.000.000	120.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	81.465.767.990	81.465.767.990	22.230.000.000	20.461.267.116	79.697.035.106	79.697.035.106
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương (iii)	53.639.822.862	53.639.822.862	48.722.552.000	46.681.970.870	51.599.241.732	51.599.241.732
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (iv)	34.667.237.500	34.667.237.500	34.362.911.770	9.121.745.470	9.426.071.200	9.426.071.200
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	-	-	27.385.000.000	27.385.000.000	27.385.000.000
- Vay cá nhân (v)	21.000.000.000	21.000.000.000	85.400.000.000	157.006.640.000	92.606.640.000	92.606.640.000
- Vay tổ chức (vi)	149.690.000.000	149.690.000.000	390.650.000.000	240.960.000.000	-	-
- Trái phiếu phát hành {vii}	327.912.500.000	327.912.500.000	1.350.000.000	120.000.000.000	446.562.500.000	446.562.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá trị VND	Số có khả năng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng VND
Chi tiết tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (II)	179.265.250.000	179.265.250.000	40.260.000.000	15.997.400.000	155.002.650.000	155.002.650.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	20.240.250.000	20.240.250.000	-	5.997.400.000	26.237.650.000	26.237.650.000
- Chi nhánh Hải Dương (viii)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Văn Bình (ix)	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Ông Vũ Đức Trung	129.025.000.000	129.025.000.000	260.000.000	-	128.765.000.000	128.765.000.000
- Trái phiếu phát hành (x)	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000	-
Góc trái phiếu	(975.000.000)	(975.000.000)	260.000.000	-	(1.235.000.000)	-
Phi phát hành trái phiếu	19.086.000.000	19.086.000.000	25.050.000.000	5.964.000.000	-	-
Vay tại Công ty CP Liên Vận An Tín (III)	19.086.000.000	19.086.000.000	25.050.000.000	5.964.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	15.250.000.000	-	-	-
- Chi nhánh Hải Dương (xi)	-	-	-	-	-	-
Trong đó: Tăng trong năm do mua Công ty con	-	-	15.250.000.000	-	-	-
Cộng (I)+(II)+(III)	959.926.578.352	959.926.578.352	648.025.463.770	670.678.023.456	982.579.138.038	982.579.138.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(i) Vay trung hạn dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hai hợp đồng sau:

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/1347719/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 70 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do đã đầu tư tài sản cố định trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9.3%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 02/2016/1347719/HĐTD ngày 23 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 68 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do tham gia dự án đầu tư 12 máy thổi màng nhựa. Thời hạn vay trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, hàng tồn kho luân chuyển.

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn phát sinh năm 2014 và năm 2015 với số tiền vay quy định trên từng hợp đồng và thời hạn vay từ 36 - 60 tháng. Mục đích sử dụng để phục vụ cho đầu tư mua sắm xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất từ 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay quy định từng hợp đồng thế chấp đã ký.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 01/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 13 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 4.470.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để đầu tư xây dựng công trình máy che nhà máy số 5. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 02/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 12 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 7.968.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 03/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 18 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 9.886.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn (tiếp theo)

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 4/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 25 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 10.970.000.000 đồng Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 06/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 06 tháng 06 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2.800.000.000 đồng Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 05.07/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 05 tháng 07 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8.800.000.000 đồng (8 tỷ tám trăm triệu). Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 29.05.CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MAZDA3 ngày 29 tháng 05 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 560.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để thực hiện dự án đầu tư mua xe oto Mazda 3 2 0 SD phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản số 29.05/CNHD9/2017/HĐTC/ANPHAT/MAZDA3 ngày 29 tháng 05 năm 2017 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 805.000.000 đồng.
- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 06.06.CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/OTO ngày 06 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4.300.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua 10 xe oto Hyundai Grand I10 1.0 MT 2017 -AVN (EU4); 01 xe ô tô Toyota Vios 1.5G và 01 xe ô tô Toyota Hilux 2.4E 4x2T; 02 xe Toyota Vios 1.5G. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn (tiếp theo)

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 25.07/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/30E-501.05 ngày 25 tháng 07 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4.060.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua ô tô con Mercedes G350, biển số 30E-501.05. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03.08/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MERCEDES- BENZ ngày 23 tháng 08 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 1.700.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua xe du lịch Mercedes Benz V250 Avantgarde. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 14.07/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MERCEDES ngày 14 tháng 07 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 1.700.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua xe du lịch Mercedes Benz V250 Avantgarde. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12.12/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/24OTO ngày 12 tháng 12 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 8.350.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm 24 xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại của Công ty. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- (iii) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn với số tiền vay quy định từng hợp đồng và thời hạn từ 50 - 60 tháng. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất các khoản vay từ 10,5%/năm đến 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung hạn và dài hạn (tiếp theo)

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.139/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22 tháng 03 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8.390.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.
- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.184/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 3.619.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 48 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.365/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 05 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 44.465.542.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm máy móc thiết bị. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 63.522.204.733 đồng.
- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.029/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 16 tháng 01 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 424.900.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại, giao dịch. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô VIOS 1.5G CVT. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 607.000.000 đồng.
- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.028/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 11 tháng 01 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 3.264.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại, giao dịch. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay là 01 ô tô Camry 2.0E, 02 xe Fortuner 2.7V 4x2 và 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu SUBARU. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 4.663.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung hạn và dài hạn (tiếp theo)

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.100/2017/HHTD -DB/PGBank ngày 29 tháng 03 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 2.544.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phụ vụ hợp đồng sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 3.634.400.000 đồng.

(iv) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/1347719/HHTD ngày 05 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 1.995.000 USD, quy đổi là 44 tỷ đồng (đồng vay là USD). Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư tài sản có định là 20 máy thổi tốc độ cao. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo từng thời điểm.

(v) Theo Hợp đồng vay tiền ngày 27 tháng 09 năm 2017 với tổng số tiền vay là 21 tỷ, lãi suất 9,11%/năm. Thời hạn vay từ ngày 29 tháng 12 năm 2016 đến ngày 28 tháng 12 năm 2018. Mục đích vay trung và dài hạn bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(vi) Theo các Hợp đồng vay của các tổ chức có thời hạn 2 năm, lãi suất áp dụng cho khoản vay là 7%/năm. Khoản vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

(vii) Trái phiếu phát hành theo các hợp đồng sau:

- Theo HĐ mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01 tháng 12 năm 2015 bên bán: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, bên mua: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Trái phiếu được phát hành là Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và định kèm theo chứng quyền. Trái phiếu và chứng quyền được tách riêng kể từ ngày phát hành và được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Với mỗi một chứng quyền nhận được, người sở hữu chứng quyền được quyền mua 100 cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành. Chứng quyền bắt đầu được thực hiện sau 12 tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu. Thời hạn thực hiện chứng quyền là ba năm kể từ ngày phát hành trái phiếu. Mục đích phát hành trái phiếu để đầu tư xây dựng nhà máy mới, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Số lượng trái phiếu phát hành là 300.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được một (1) chứng quyền, tương ứng là 300.000 chứng quyền. Ngày phát hành 04 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 03 năm, lãi suất 5,6%/ năm đầu tiên; Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng 01 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng; và 5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát do cá nhân nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETTIBANK.HD ngày 06 tháng 09 năm 2016 với bên mua: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nilon số 6, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, số lượng 150 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu. Ngày phát hành là 06 tháng 09 năm 2016 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất 7,0%/năm đầu tiên, Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng 01 lần và được xác định theo nguyên tắc bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 2,0%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng.

(viii) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng vay trung hạn số 297/2015/HSTDDA/KCNHDS ngày 27 tháng 11 năm 2015, giá trị vay tối đa là 15 tỷ đồng, thời hạn vay 05 năm. Mục đích sử dụng là để bù đắp chi phí dự án đầu tư 1 máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít, model TKH-175JP. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HDTTC/KCNHDS ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

Hợp đồng tín dụng số 218/2016/HSTDDA/KCNDS ngày 19 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 14.987.000.000 đồng. Khoản vay để nhập khâu máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít model TKH-175JP. Thời hạn vay vốn trong 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HDTTC/KCNHDS ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

(ix) Khoản vay ông Nguyễn Văn Bình theo hợp đồng vay vốn số 015/2017/HII-VB ngày 05 tháng 12 năm 2017, số tiền vay là 30 tỷ đồng. Công ty vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay vốn 24 tháng bắt đầu từ ngày nhận tiền vay. Lãi suất vay là 6%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền gốc và tiền lãi được thanh toán một lần khi đến hạn.

(x) Phát hành trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETTIBANK.KCNHD - ANPHATYENBAI ngày 20 tháng 10 năm 2016 với số lượng là 130 trái phiếu mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Ngân hàng mua trái phiếu với giá mua bằng 100% mệnh giá trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm với lãi suất cố định trong năm đầu tiên là 8%/năm. Các kỳ tính lãi sau áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh chính một lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất trái phiếu đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày phát hành. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán lần khi đáo hạn hoặc ngày mua lại trái phiếu trước hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(xi) Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 04.07/2016-HĐTĐA/NHCT340-ANTIN ngày 4/7/2016 với số tiền vay bằng VNĐ không quá 9 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất của khoản vay cho 12 tháng đầu tiên là lãi suất ưu đãi 8%/năm; sau 12 tháng, lãi suất không áp dụng lãi suất ưu đãi trên. Mục đích của khoản vay thực hiện dự án mua phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp đảm bảo xác định theo hợp đồng thế chấp 04.07.16.33/HĐTC-ANTIN ký ngày 4/7/2016; giá trị tài sản theo Hợp đồng thế chấp là 18.000.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 29.11/CNHHĐ9/2016/HĐTĐA/ANTIN ngày 29 tháng 11 năm 2016 với số tiền vay VNĐ không quá 7 tỷ đồng Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay cho 12 tháng đầu tiên là lãi suất ưu đãi 7,5%/năm; sau 12 tháng lãi suất không áp dụng lãi suất ưu đãi như trên. Mục đích của khoản vay thực hiện dự án đầu tư mua phương tiện vận tải. Biện pháp đảm bảo xác định theo hợp đồng thế chấp là 14.198.000.000 đồng.

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 14.06/CNHHĐ9/2017/HĐCVDADT/ANTIN/50XE ngày 14 tháng 6 năm 2017 với hạn mức cho vay 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay xác định cho từng lần nhận nợ. Mục đích của khoản vay thực hiện dự án đầu tư mua phương tiện vận tải. Biện pháp đảm bảo xác định theo hợp đồng thế chấp 14.06/CNHHĐ9/2017/HĐTC/ANTIN/20ROMOOC/CIMC ngày 6/6/2017.

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20.10/CNHHĐ9/2017/HĐCVDADT/ANTIN ngày 20 tháng 10 năm 2017, hạn mức cho vay không vượt quá 400.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay là 8%/năm và được ưu đãi trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau ưu đãi áp dụng lãi suất thông thường là 10%/năm. Mục đích khoản vay để thực hiện thanh toán đầu tư mua xe ô tô 5 chỗ RANGER 2.2 theo hợp đồng mua bán xe số 548/051017/HĐMB/HPF ký ngày 05/10/2017 để phục vụ đi lại của ban lãnh đạo công ty. Biện pháp đảm bảo xác định bằng giá trị xe ô tô theo hợp đồng mua bán nêu trên, số tiền là 600.000.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản số 20.10.17/BBĐG/RANGER.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	494.999.880.000	147.408.567.329	1.587.734.457	35.950.759.648	13.177.404.323	116.439.130.668	9.921.791.820	819.485.268.245	
Vốn góp tăng trong năm	74.650.000.000	13.312.700.000	-	-	-	(4.000.000.000)	-	83.962.700.000	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	141.985.475.965	-	141.985.475.965	
Tăng trong năm	-	-	205.250.085	-	-	-	-	205.250.085	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.324.127.281	-	(6.012.546.847)	939.541.652	(2.748.877.914)	
Trả cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(34.649.991.600)	-	(34.649.991.600)	
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	(51.899.988.000)	-	(51.899.988.000)	
Giảm khác	-	-	(1.587.734.457)	-	-	-	-	(1.587.734.457)	
Số dư tại ngày 31/12/2016	569.649.880.000	160.721.267.329	205.250.085	38.274.886.929	13.177.404.323	161.862.080.186	10.861.333.472	954.752.102.324	
Vốn góp tăng trong năm (i)	266.350.000.000	37.402.500.000	-	-	-	-	184.000.000.000	487.752.500.000	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	223.342.661.746	40.021.444.210	263.364.105.956	
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	7.408.774.788	-	(19.793.829.807)	(385.364.122)	(12.770.419.141)	
Trả cổ tức năm 2016 (iii)	-	-	-	-	-	(56.964.988.000)	-	(56.964.988.000)	
Trả cổ tức đợt 1 năm 2017	-	-	-	-	-	(29.624.994.000)	(13.200.000.000)	(42.824.994.000)	
Trả cổ tức của những năm trước	-	-	-	-	-	(2.859.500)	-	(2.859.500)	
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	(2.996.278.188)	2.996.278.188	-	
Tăng do hợp nhất kinh doanh công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	464.330.318	386.941.931	851.272.249	
Tăng do bán Công ty con	-	-	-	-	-	7.483.452.545	23.436.547.455	30.920.000.000	
Giảm khác (iv)	-	(60.000.000)	(46.431.266)	-	-	-	-	(106.431.266)	
Số dư tại ngày 31/12/2017	835.999.880.000	198.063.767.329	158.818.819	45.683.661.717	13.177.404.323	283.769.575.300	248.117.181.134	1.624.970.288.622	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 25 ngày 08 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 835.999.880.000 đồng.

(ii) **Tại công ty mẹ:** Phân chia các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11802/2017NQ-ĐHĐ ngày 18 tháng 02 năm 2017, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 8%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và tạm chia cổ tức năm 2017 trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2016 với tỷ lệ 77,12%.

Tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái: Phân phối lợi nhuận theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 2802/2017/BB-ĐHĐ ngày 28 tháng 2 năm 2017, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và sử dụng để bổ sung vốn lưu động 90% trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2016.

(iii) **Tại Công ty mẹ:** Trả cổ tức theo quyết định số 3107/2017NQ-HDQT về việc tạm chi trả cổ tức đợt 1 năm 2017. Thời gian chốt danh sách cổ tức là ngày 15 tháng 08 năm 2017. Tỷ lệ chi trả cổ tức là 5%/cổ phần được thanh toán bằng tiền mặt.

Tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái: Tạm ứng cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết chi trả tạm ứng cổ tức năm 2017 đợt 1 số 2707/2017/QĐ-HDQT ngày 27 tháng 07 năm 2017, tỷ lệ chi trả cổ tức là 15%/cổ phần (mỗi cổ phần được nhận 1.500 đồng).

(iv) Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh tăng trong năm là do việc chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty TNHH Nhựa Thakhek từ đồng Kíp Lào (LAK) về đồng tiền ghi sổ của Công ty mẹ là Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản giảm khác 60.000.000 đồng của khoản thanh dư là chi phí tư vấn khi tăng vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.599.988	56.964.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83.599.988	56.964.988
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	83.599.988	56.964.988
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.599.988	56.964.988
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	83.599.988	56.964.988
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

5.19. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất, bộ phận kinh doanh thương mại và bộ phận cung cấp dịch vụ.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận sản xuất	- Sản xuất thành phẩm
Bộ phận kinh doanh thương mại	- Bán hàng hóa
Bộ phận dịch vụ	- Cung cấp dịch vụ vận chuyển

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.19. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Sản xuất		Kinh doanh thương mại		Cung cấp dịch vụ		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản										
Tài sản bộ phận	3.366.889.839.461	1.190.179.373.578	19.087.915.760						4.576.157.128.799	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	3.366.889.839.461	1.190.179.373.578	19.087.915.760						4.576.157.128.799	
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	2.171.324.258.953	767.552.687.964	12.309.893.260						2.951.186.840.177	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2.171.324.258.953	767.552.687.964	12.309.893.260						2.951.186.840.177	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.19. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 như sau:

	Sản xuất		Kinh doanh thương mại	Cung cấp dịch vụ		Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.994.198.507.783	1.058.434.779.361	16.975.015.997				4.069.608.303.141
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	2.994.198.507.783	1.058.434.779.361	16.975.015.997				4.069.608.303.141
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.513.996.432.418	991.926.189.615	13.300.575.940				3.519.223.197.973
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả kinh doanh bộ phận	480.202.075.365	66.508.589.746	3.674.440.057				550.385.105.168
Chi phí phân bổ	-	-	-				-
Chi phí không phân bổ	-	-	-				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-				185.046.877.179
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-				365.338.227.989
Lợi nhuận khác	-	-	-				55.775.260.107
Chi phí tài chính	-	-	-				1.993.666.937
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-				95.052.847.758
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-				328.054.307.275
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-				64.433.475.421
Lợi nhuận trong năm							256.725.898
							263.364.105.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.19. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có hoạt động tại Hải Dương, Yên Bái và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (CHDCND Lào). Hoạt động kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ được thực hiện tại tỉnh Hải Dương và tỉnh Yên Bái. Trong năm 2017, Công ty TNHH Nhựa Thakhek không phát sinh doanh thu.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tỉnh Hải Dương	3.685.251.027.194	2.053.147.861.011
Tỉnh Yên Bái	384.357.275.947	90.621.947.839
Cộng	4.069.608.303.141	2.143.769.808.850

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tỉnh Hải Dương	4.066.318.734.951	2.701.745.529.047	880.457.556.996	902.585.350.113
Tỉnh Yên Bái	497.637.113.516	362.737.111.148	174.205.226.527	42.069.435.362
Nước CHDCND Lào	12.086.280.342	13.133.338.542	-	-
Cộng	4.576.042.128.809	3.077.615.978.737	1.054.662.783.523	944.654.785.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.076.763.652.003	2.145.496.749.447
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán thành phẩm	3.001.353.856.645	1.818.239.968.392
- Doanh thu bán hàng hóa	1.058.434.779.361	326.510.366.055
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.975.015.997	746.415.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.155.348.862	1.726.940.597
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	1.282.946.569	722.995.006
- Hàng bán bị trả lại	5.872.402.293	1.003.945.591
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.069.608.303.141	2.143.769.808.850

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm đã bán	2.513.996.432.418	1.528.321.331.144
Giá vốn bán hàng hóa đã bán	991.926.189.615	308.413.066.006
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.300.575.940	-
Cộng	3.519.223.197.973	1.836.734.397.150

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	12.211.357.731	5.365.908.986
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.766.074.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.275.247.376	18.066.865.876
Lãi bán cổ phần VBC	24.288.655.000	-
Cộng	55.775.260.107	30.198.848.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	80.592.049.351	27.284.472.139
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.686.705.831	15.834.186.936
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2.615.280.443	10.808.822.854
Chi phí tài chính khác	158.812.133	-
Cộng	95.052.847.758	53.927.481.929

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.849.854.253	9.775.605.888
Chi phí nhân công	21.873.460.175	19.308.222.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.812.684.093	9.142.907.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.417.035.573	13.385.117.512
Chi phí khác bằng tiền	13.369.521.591	10.941.422.893
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	69.473.734
Cộng	79.322.555.685	62.622.750.100
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.853.004.241	2.145.408.690
Chi phí nhân công	8.502.643.296	3.184.599.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.783.031.908	5.123.931.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.541.555.828	41.675.359.527
Chi phí khác bằng tiền	10.044.086.221	4.752.836.530
Cộng	105.724.321.494	56.882.135.462

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ tại Công ty mẹ	48.882.016.623	20.779.241.810
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ tại Công ty con	15.551.458.798	2.913.203.215
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	64.433.475.421	23.692.445.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.124.941.552.365	1.778.688.656.593
Chi phí nhân công	181.947.042.865	120.200.514.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.132.147.265	91.930.214.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.582.975.547	130.868.354.297
Chi phí khác bằng tiền	36.849.720.719	45.883.778.275
Cộng	2.711.453.438.760	2.167.571.518.676

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

a. Lợi nhuận (i)

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	223.342.661.746	141.985.475.965
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(17.867.412.940)	(7.969.612.748)
Tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (iii)	8,00%	8,00%
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	205.475.248.806	134.015.863.217

(i) Theo hướng dẫn trình bày chỉ tiêu “mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “mã số 71 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả kinh doanh của thông tư 200, phần “Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu” được tính bằng “Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” trừ (-) “Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế”.

(ii) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 là số liệu thực tế Công ty mẹ đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11802/2017NQ-ĐHĐ ngày 18 tháng 02 năm 2017, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 8%. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 được giả định có tỷ lệ không đổi so với năm tài chính 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu /Lãi suy giảm trên cổ phiếu

b. Số cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.968.056	51.321.724
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng - <i>Chứng quyền</i>	-	24.935.000
	-	24.935.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu suy giảm	59.968.056	76.256.724

c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.426	2.611
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.426	1.757
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Dương Phạm Investment	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu Tư Trung và Hòa	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An phát Holdings	Công ty mẹ

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Khoản mục	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	660.000.000	660.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	1.823.024.786	1.515.713.000
Cộng	2.747.024.786	2.439.713.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	382.619.545	-
Công ty Cổ phần An phát Holdings	382.619.545	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản cho vay ngắn hạn	29.730.000.000	-
Công ty Cổ phần An phát Holdings	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Dương Phạm Investment	7.160.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	6.410.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Trung và Hòa	7.160.000.000	-
Các khoản vay	149.690.000.000	-
Công ty TNHH Dương Phạm Investment	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Trung và Hòa	49.690.000.000	-

7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán


Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.



Hồ Thị Hòe
Người lập



Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018